

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG**



**QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO**  
**CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUI**  
**THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**  
**NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**

**Hà Nội, năm 2019**

## **QUY ĐỊNH**

### **Đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhóm ngành đào tạo giáo viên của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-CDSPTW ngày 30 tháng 8 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhóm ngành đào tạo giáo viên, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng trong đào tạo cao đẳng hệ chính quy nhóm ngành đào tạo giáo viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương từ năm học 2019-2020.

### **Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình đào tạo bao gồm các kiểu chương trình: đơn ngành, song ngành, ngành chính - ngành phụ, 2 văn bằng và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Chương trình đào tạo cao đẳng 3 năm có khối lượng từ 90 đến 110 tín chỉ tùy theo từng ngành đào tạo.

### **Điều 3. Học phần và Tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho



sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần được kí hiệu bằng một mã số riêng gọi là mã học phần do Trường qui định. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ.

## 2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo, bắt buộc người học phải học và tích lũy đủ, đúng danh mục học phần thuộc chương trình đào tạo quy định;

b) Học phần tự chọn là học phần mà người học có thể được chọn trong nhóm học phần mà Nhà trường xác định trước trong chương trình nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn của ngành đào tạo và phù hợp với định hướng nghề nghiệp. Người học có thể chọn, đăng ký học trong danh mục học phần tự chọn của chương trình đào tạo; sau khi chọn, bắt buộc người học phải học đủ, đúng các học phần đã chọn, đăng ký hoặc tích lũy đủ số tín chỉ được quy định của mỗi chương trình đào tạo;

c) Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp là một học phần đặc biệt để tổng hợp, chuyên sâu kiến thức chuyên ngành dành cho người học có kết quả học tập tốt (sau đây gọi tắt là chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp).

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; từ 45 giờ đến 90 giờ thực tập tại cơ sở; từ 45 giờ đến 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Số tiết, số giờ của từng học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

5. Một tiết lên lớp được tính bằng 50 phút.

## **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 7 giờ 30 phút đến 20 giờ hằng ngày.

Tuỳ theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn sắp xếp thời khóa biểu hằng ngày cho các lớp trong khoảng thời gian trên.



## **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kì qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần theo thang điểm 4 mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá đạt theo thang điểm chữ quy định tại điều 22 của Quy định này, tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần đã được tích lũy theo thang điểm chữ quy định tại điều 22 của Quy định này, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy trong 3 năm học.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, tùy điều kiện cụ thể, Nhà trường có thể tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Tùy theo khả năng và điều kiện, sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập. Thời gian tối đa để hoàn thành khóa học trình độ cao đẳng là 5 năm. Hết thời hạn tối đa, nếu sinh viên không đủ điều kiện để công nhận tốt nghiệp, được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã được tích lũy trong chương trình.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

## **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại phòng Công tác học sinh sinh viên.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Quản lý Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và phòng Công tác học sinh sinh viên cấp thẻ sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học được hoàn thành trong thời hạn theo qui định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, qui chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

## **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo**

1. Trường xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo), những thí sinh đạt yêu cầu được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Trường có thể tổ chức kiểm tra một số môn như: Tiếng Anh, Tin học để phân loại trình độ, xếp lớp và xét miễn học các học phần tương ứng cho sinh viên.

## **Điều 9. Tổ chức lớp học**

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học là 30. Những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Trong trường hợp không tổ chức lớp học do số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu theo quy định, sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những lớp học học phần khác nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

## **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Thông tin về lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ tổ chức giảng dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi, cách tính điểm được công bố trên hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến của Trường.



2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Khối lượng học tập tối đa mà mỗi sinh viên được đăng ký trong học kỳ tiếp theo được quy định như sau:

a) 25 tín chỉ đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 14 tín chỉ đối với những sinh viên được xếp hạng học lực yếu;

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

#### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính (nhưng không muộn quá 3 tuần), sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F (cách tính điểm được quy định tại điều 22 của Quy định này).

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên tự viết đơn gửi phòng Quản lý Đào tạo của Trường;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;

c) Không vi phạm khoản 3 điều 10 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên giảng dạy học phần đó nhận được thông báo của phòng Quản lý Đào tạo.

#### **Điều 12. Đăng ký học lại**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, B+, C, C+, D hoặc D+.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của điều này, sinh viên được quyền đăng ký 1 lần học lại hoặc học đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm D hoặc điểm D+ để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy, nguyên tắc sử dụng kết quả được quy định tại điều 23 của Quy định này.

4. Sinh viên đăng ký học lại phải nộp học phí học lại theo quy định.

#### **Điều 13. Nghỉ ốm**

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi lãnh đạo khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

#### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- Năm thứ nhất: khối lượng kiến thức tích lũy dưới 35 tín chỉ;
- Năm thứ hai: khối lượng kiến thức tích lũy từ 35 tín chỉ đến dưới 70 tín chỉ;
- Năm thứ ba: khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên, gồm:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.



b) Hạng yếu: nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;  
b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

#### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào 1 trong 2 trường hợp sau:

a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Số lần cảnh báo tối đa trong 1 khóa học là 3 lần, trong đó không có 2 lần nào liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 1 điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại khoản 2 điều 6 của Quy định này;



c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi thay hoặc nhờ người thi thay theo quy định tại khoản 2 điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 2 điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

#### **Điều 18. Chuyển trường**

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển đến Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương nếu có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Cùng trình độ (hoặc cao hơn) và cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương;

b) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương;

c) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào Trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của Trường;

b) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Trong trường hợp sinh viên xin chuyển đến Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình của hai trường.

### **Chương III** **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

#### **Điều 19. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, điểm đánh giá học phần được đánh giá như sau:

- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên ý thức chuẩn bị bài; thái độ, ý thức tham gia các giờ học và mức độ chuyên cần. Trường hợp sinh viên nghỉ quá 20% số tiết thì điểm chuyên cần dưới 5,0 điểm. Điểm chuyên cần được sử dụng để xét điều kiện dự thi kết thúc học phần theo khoản 1 điều 20 Quy định này.

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra: 40%.

Mỗi học phần có từ 1 đến 2 điểm kiểm tra thường xuyên, có từ 1 đến 2 điểm kiểm tra định kỳ. Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm



kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

- Điểm thi kết thúc học phần: 60%.

2. Đối với các học phần thực hành: điểm đánh giá học phần là điểm trung bình cộng của điểm đánh giá các bài thực hành. Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành; nếu không tham dự đủ thì điểm chuyên cần dưới 5,0 và điểm đánh giá học phần là 0 điểm.

3. Quy định về đánh giá học phần được đưa vào đề cương chi tiết của từng học phần. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm kiểm tra, trừ bài thi kết thúc học phần. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi và điểm đánh giá học phần được quy định tại điều 22 của Quy định này.

#### **Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Điểm chuyên cần: từ 5,0 trở lên
- Điểm trung bình các điểm kiểm tra: từ 5,0 trở lên.

2. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

Đối với các học phần bị điểm D, D+, sinh viên được quyền đăng kí thi lại 1 lần để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy, nguyên tắc sử dụng kết quả được quy định tại điều 23 của Quy định này.

3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, tổng thời gian ôn thi đảm bảo ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

#### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Tùy điều kiện cụ thể, đề thi được lấy từ ngân hàng đề hoặc chỉ định ra đề.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (tự luận), trắc nghiệm (trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi kết thúc học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần.



3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Các bài thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm trên giấy, bài tiểu luận, bài tập lớn, bài thu hoạch) do phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục lưu giữ. Thời gian lưu giữ ít nhất là hai (02) năm, kể từ ngày kết thúc khóa học.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm, các giảng viên chấm thi trình trường bộ môn hoặc trường khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và được sao thêm 2 bản. Bản gốc lưu tại phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục, một bản gửi về khoa chuyên môn, một bản gửi về phòng Quản lý Đào tạo, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên bị điểm F ở kỳ thi chính chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó.

7. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được lãnh đạo khoa xác nhận và phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này được dự thi thêm 1 lần tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

## **Điều 22. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần và điểm đánh giá học phần**

1. Điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các đầu điểm được qui định ở khoản 1 hoặc khoản 2 điều 19 nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi theo bảng sau:



Xếp loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Thang điểm 4	Đánh giá học phần
Đạt	8,5 - 10	A	4	Giỏi
	8,0 - 8,4	B+	3,5	Khá
Đạt	7,0 - 7,9	B	3	Khá
	6,5 - 6,9	C+	2,5	Trung bình
	5,5 - 6,4	C	2,0	Trung bình
	5,0 - 5,4	D+	1,5	Trung bình yếu
	4,0 - 4,9	D	1,0	Trung bình yếu
Không đạt	< 4,0	F	0	Kém

Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

Đối với những học phần được Trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, B+, C, C+, D, D+, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ điểm thi và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Quản lý Đào tạo của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, B+, C, C+, D, D+ trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình (quy định tại khoản 3, điều 23).

#### **Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi theo khoản 2 điều 22.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$ ;

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ ;

$n$  là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi hoặc điểm học phần cao nhất trong các lần học với cùng 1 học phần (đối với trường hợp học lại để cải thiện điểm).



### 3. Chuyển đổi kết quả học tập từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ:

Trong trường hợp bảo lưu kết quả học tập từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ hoặc tiếp nhận sinh viên từ trường khác (đào tạo theo học chế niên chế) chuyển đến, chỉ những học phần có điểm đánh giá từ 5,0 trở lên mới được công nhận và được qui đổi theo bảng sau:

Stt	Điểm gốc theo học chế niên chế (thang điểm 10)	Điểm chuyển đổi theo học chế tín chỉ	
		Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	8,5 - 10	A	4
2	8,0 - 8,4	B+	3,5
3	7,0 - 7,9	B	3
4	6,5 - 6,9	C+	2,5
5	5,5 - 6,4	C	2,0
6	5,0 - 5,4	D+	1,5

## Chương IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

### Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu năm học cuối khóa, sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án/khoá luận tốt nghiệp

Điều kiện được xét làm đồ án/khoá luận tốt nghiệp:

- Các ngành Sư phạm Mỹ thuật, Sư phạm Âm nhạc: đã tích lũy từ 60 tín chỉ trở lên.

- Các ngành khác: đã tích lũy từ 60 tín chỉ trở lên và có điểm trung bình chung tích lũy 4 học kỳ từ 3,00 trở lên.

Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 5 tín chỉ. Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp sẽ được quy định cụ thể theo từng ngành/từng chương trình.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Thời lượng thực tập, nội dung thực tập được quy định trong chương trình giáo dục của từng ngành. Đối với ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, có thể bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

#### **Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp**

1. Cách thức đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp được quy định cụ thể theo từng chương trình. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất hai giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 và qui đổi về thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, điều 22 của Quy định này. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

#### **Điều 26. Thực tập cuối khoá**

Các khoa chuyên môn đề xuất nội dung, hình thức thực tập cuối khoá phù hợp với đặc điểm của ngành trình Hiệu trưởng phê duyệt qua phòng Quản lý Đào tạo.

#### **Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có các chứng chỉ: Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục Thể chất, và các chứng chỉ/chứng nhận khác theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

e) Có đơn gửi phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.



2. Mỗi năm học, có 2 đợt xét tốt nghiệp chính sau mỗi học kỳ. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, lãnh đạo phòng Quản lý Đào tạo làm Ủy viên thường trực, viên chức phòng Quản lý Đào tạo làm thư ký và các thành viên là lãnh đạo khoa có sinh viên xét tốt nghiệp, lãnh đạo phòng Công tác học sinh sinh viên, lãnh đạo phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

**Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có một học phần trở lên trong khóa học phải thi lại (không tính học phần điều kiện; học phần được miễn trừ);
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỉ luật Nhà trường trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ/chứng nhận theo điều 27 (khoản 1, mục đ) nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.



6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình đào tạo của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình đào tạo khác theo quy định tại khoản 3 điều 16 của Quy định này.

## **Chương V** **XỬ LÝ KỶ LUẬT**

**Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Người học thi thay, nhờ người thi thay sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai; trường hợp tổ chức thi thay, kiểm tra thay sẽ bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ nhất.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý người học vi phạm trong khi dự kiểm tra, thi kết thúc học phần được thực hiện như sau:

a) Khiển trách và trừ 25% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với người học phạm lỗi một lần nhìn bài, thảo luận bài với người học khác trong giờ kiểm tra, thi;

b) Cảnh cáo và trừ 50% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần trong giờ kiểm tra, thi nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy định tại giờ kiểm tra, thi đó;

- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho người khác;

- Chép bài kiểm tra, bài thi của người khác; những bài kiểm tra, bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau, nếu người học bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị sao chép trước khi nộp bài thi được Nhà trường xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách, nếu bị sao chép sau khi nộp bài thi không bị xử lý.

c) Đình chỉ làm bài và nhận điểm 0 cho bài kiểm tra, bài thi: áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra, thi vẫn tiếp tục vi phạm quy định trong giờ kiểm tra, thi đó;

- Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng không được phép đem vào phòng thi;

- Đưa đề kiểm tra, thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;

- Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa người học khác;



- Viết, vẽ bậy lên bài kiểm tra, bài thi;
- Viết bài kiểm tra, bài thi trên giấy không đúng quy định của trường;
- Dùng bài kiểm tra, bài thi của người khác để nộp;
- Có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả kiểm tra, thi;

Người học sau khi đã dự kiểm tra, thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài kiểm tra, bài thi.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 30. Tổ chức thực hiện**

1. Nhà trường giao cho phòng Quản lý Đào tạo phối hợp cùng các đơn vị chức năng rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Đối với những vấn đề phát sinh ngoài phạm vi đề cập trong Quy định này, Trường phòng Quản lý Đào tạo đề xuất giải pháp trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện. /



**PGS. TS Trần Đình Tuấn**